

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 75/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Cao Đình N, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: xã T, huyện P, tỉnh Q.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: phường Đ, thành phố A, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn ông Cao Đình N và bị đơn bà Lê Thị B.

II/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1) Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Đình N và bà Lê Thị B thống nhất thuận tình ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

2) Về con chung: có 01 con chung tên là Cao Thị Xuân H, sinh ngày 29/01/2011.

- Sau khi ly hôn, ông Cao Đình N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng

con chung.

- Ông Cao Đình N không yêu cầu bà Lê Thị B cấp dưỡng nuôi con chung
- Bà Lê Thị B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3) Về tài sản chung: Không có.

4) Về án phí: Ông Cao Đình N tự nguyện nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0019002 ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố A, tỉnh Q. Hoàn trả lại cho ông Cao Đình N 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

III/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND thành phố A;
- CCTHADS thành phố A;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh Q.
(Quyển số 15/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + Ấn văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Nhạn